

TRƯỜNG THPT THỦ ĐỨC

Năm học 2022-2023

ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KỲ GIỮA HỌC KỲ 2**Môn: Tiếng Anh – BÀI THI VIẾT - Khối: 10**

Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian phát đề)

Phạm vi học trình: Unit 4E, Unit 5, Unit 6 (từ 6A đến 6D)

BẢNG MA TRẬN CÂU HỎI

STT	Chủ đề - Kỹ năng		Điểm /10	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Cộng	
				TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL
1	SOUNDS	consonants	0.2	1								1	
2		vowels	0.2	1								1	
3	STRESS	2-syllabic words	0.2	1								1	
4		3 or more syllabic words	0.2	1								1	
5	GRAMMAR	conditionals (error identification)	0.2	1								1	
6		past perfect (error identification)/will/be going to	0.4	1		1							
		relative clause (gapfill)	0.2	1									
8		Keyword transformation: Phrasal verbs/conditionals / relative clauses	1.0		3		1		1				5
9	Speaking	Daily conversation: Jobs/ Money	0.4			1							
10	VOCABULARY	Synonyms	0.4	1		1						2	
11		Antonyms	0.4	1								1	
12		Error Id. - Collocations	0.2			2						2	
		Word Choice – Nouns/Verbs/ Adj/Ad/Preposition (Gapfill)	1	1		3						4	
13		Style of writing (KEYWORD TRANSFORMATION)									1		1
14		Word Formation - Nouns/Verbs/ Adj/Ad/Negative S	1.0		3		1		1		1		6
15	READING COMPREHENSION	Detail/Word meaning/Inference/ Referance/ Main Idea	1.0	2		2				1		5	
16	CLOZE TEST	Collocation/ Parts of Speech/ Function words	1.0	2		3						5	
		CỘNG	8	14	6	13	2		2	1	2	28	12

DUYỆT CỦA BGH:

TTCM: NGUYỄN THỊ CẨM HÀ

KHỐI TRƯỞNG/PHẢN BIỆN: NGUYỄN NGỌC HUYỀN NGÂN